

## QUYỀN 34

Hỏi: Khi cảnh thức đều trừ, chúng sinh giới rỗng không thì chư Phật cứu cánh thành tựu pháp gì ?

Đáp: Tất cả dị sinh nhân thức đối cảnh, ở trong sinh tử vọng sinh chấp trước khởi lên bốn thứ điên đảo, đó là thường v.v... Hàng nhị thừa ở trong niết-bàn quên cầu giải thoát, khởi lên bốn thứ điên đảo, đó là vô thường v.v... Chư Phật Như Lai nhân cảnh thức đều không, hay lìa tám thứ điên đảo trên thành tựu bốn ba-la-mật chân thường, lạc, ngã, tịnh.

*Luận Thật Tính* nói: Dựa vào hai pháp, pháp thân Như Lai có tịnh ba-la-mật: Một là bản lai tự tính thanh tịnh, vì đồng tướng; hai là ly cấu thanh tịnh, vì tướng thù thắng. Dựa vào hai pháp, pháp thân Như Lai có ngã ba-la-mật: một là xa lìa những biên kiến của ngoại đạo, vì lìa hí luận hư vọng về ngã; hai là xa lìa biên kiến của Thanh văn, vì lìa hí luận vô ngã. Dựa vào hai pháp, pháp thân Như Lai có lạc ba-la-mật: một là xa lìa tất cả khổ, hai là xa lìa tất cả tập khí phiền não. Dựa vào hai pháp, pháp thân Như Lai có thường ba-la-mật: một là chẳng diệt tất cả các hạnh hữu vi, vì xa lìa đoạn kiến; hai là chẳng chấp niết-bàn vô vi, vì xa lìa thường kiến.

*Kinh Thắng Man* nói: “Thế Tôn thấy các hành vô thường là đoạn kiến chẳng phải chính kiến, thấy niết-bàn thường là thường kiến chẳng phải chính kiến”. Do vọng tưởng nên thấy như thế, do đó Như Lai chỉ chứng kho bí mật bốn đức niết-bàn.

Hỏi: Kinh nói thấy các hành vô thường là đoạn kiến chẳng phải chính kiến, thấy niết-bàn thường là thường kiến chẳng phải chính kiến, tại sao trong giáo có khi nói vô ngã, có khi nói ngã, đâu chẳng trái nhau ?

Đáp: Nói thường với vô thường, ngã với vô ngã đều là lời nói phương tiện. Do đó *Triệu luận* ghi: “Bồ-tát đối với chấp thường diễn nói giáo lý vô thường, vì Phật vừa xuất thế liền muốn nói diệu môn viên thường, Phật tính chân ngã. Vì tất cả ngoại đạo đều vọng chấp thân ngã trùm khắp mười phương cõi mà khởi thường kiến. Nếu nói

chân thường lạc ngã tịnh, sợ họ lạc vào tà giải nên nhất thời quét sạch tình trần mà nói vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Lại hàng Nhị thừa và Bồ-tát chẳng biết mật chỉ của chư Phật, chấp môn phương tiện vội vã thủ chúng, đều trụ lý vô ngã cho là cứu cánh; Thế Tôn lại thương xót liền nói thường lạc ngã tịnh.

Nếu đối với thuyết cứu cánh này thấy rõ Phật tính chân ngã, đối với con người, cây cỏ, côn trùng, bụi bặm đều phân minh không lầm lẫn, còn không trụ nơi trung đạo thì đâu thấy có thường vô thường, ngã vô ngã tạp loạn ?

Nếu nghe tên thường lạc ngã tịnh mà chỉ hiểu thường lạc ngã tịnh, tùy theo lời nói sinh kiến giải rồi mê muội tự tâm thì thuốc ngã vô ngã trở thành bệnh ngã vô ngã, cho nên biết rằng chân ngã khó biện, nếu chẳng chứng thì không rõ được.

Như *kinh Đại Niết-bàn* nói: “Nhu hai người bạn thân, một là vương tử, một là bần dân, như vậy địa vị hai người cách biệt nhau. Khi ấy người nghèo thấy vương tử có một cây đao tịnh diệu hạng nhất, sinh tham đắm. Sau đó vương tử cầm cây đao ấy đi sang nước khác, bấy giờ người nghèo đến nhà người khác ngủ nhờ. Trong lúc ngủ người nghèo mớ nói cây đao, cây đao. Người ở bên cạnh nghe được liền đến tâu vua, vua hỏi: Ngươi nói xem cây đao ở đâu ? Người này kể lại sự việc trên rồi nói: Dù vua có chặt đứt thân thể thần, phân rã chân tay, song muốn có cây đao ấy thật sự không thể được. Thần với vương tử vốn thân thiết, trước kia ở chung một chỗ tuy đã từng nhìn thấy cây đao nhưng chẳng dám chạm đến huống là cầm lấy. Vua lại hỏi: Hình dáng cây đao ra sao ? Đáp: Thừa đại vương, cây đao giống như sừng dê. Vua cười nói: Nay ngươi tùy ý đến kho chớ sợ, trong kho của ta không có cây đao này, huống chi ngươi ở bên cạnh vương tử trông thấy!

Bấy giờ, vua liền hỏi quần thần: Các ngươi đã từng thấy cây đao ấy không ? Nói xong vua băng hà, các quan tìm lập vương tử lên kế vị ngôi vua. Vị vua mới lại hỏi các phụ tướng: Các khanh từng thấy cây đao ấy trong kho của nhà quan không ? Các quan đáp:

Thần từng thấy. Vua lại hỏi: Hình dáng thế nào ? Đáp: Thừa đại vương, giống như sừng dê. Vua nói: Trong kho của ta chỗ nào có cây đao ấy ? Lần lượt bốn vị vua đều lục lạo tìm kiếm không được. Một thời gian sau, vương tử xách đao đi sang nước khác trở về bản quốc, lại được làm vua. Khi đã lên ngôi rồi liền hỏi quần thần: Các ngươi thấy cây đao chằng ? Đáp: Tâu đại vương, chúng thần đều thấy. Lại hỏi: Nó giống cái gì ? Đáp: Tâu đại vương, màu sắc của nó sáng sạch như hoa Ưu-bát-la. Lại có người đáp: nó giống như sừng dê. Hoặc có người nói: sắc có đỏ hồng giống như đồng lửa. Hoặc có người đáp: nó giống như con rắn đen. Khi ấy vua cả cười nói: Các khanh đều chẳng thấy tướng chân thật của cây đao ta.

Thiện nam, Bồ-tát ma-ha-tát cũng như thế, xuất hiện trên thế gian nói chân tướng của “ngã”, nói xong bỏ đi, giống như vương tử kia cầm cây đao tịnh diệu đi sang nước khác. Kẻ phàm phu ngu si nói: Tất cả có ngã có ngã, giống như kẻ nghèo hèn kia ngủ nhờ nhà người mới nói cây đao cây đao. Hàng Thanh văn, Duyên giác hỏi các chúng sinh cái ngã có hình tướng gì ? Đáp: Tôi thấy cái ngã lớn như ngón tay cái. Có người nói như hạt gạo; có người nói như hạt kê; có người nói tướng ngã trụ ở trong tâm hừng hực như mặt trời. Chúng sinh như thế không biết tướng ngã, cũng như các quan không biết tướng cây đao. Bồ-tát nói ngã pháp như thế, phàm phu chẳng biết, lấy các thứ phân biệt làm cho là tướng ngã, đáp cây đao giống sừng dê. Các phàm phu này lần lượt nói tiếp sinh khởi tà kiến. Vì đoạn trừ những tà kiến ấy nên Như Lai thị hiện nói vô ngã, giống như vương tử nói với các quan trong kho tàng của ta không có cây đao ấy.

Thiện nam, nay Như Lai nói chân ngã gọi là Phật tính. Như thế Phật tính là ngã ở trong Phật pháp dụ như cây đao tịnh diệu.

Thiện nam, nếu có phàm phu hay khéo nói tức là tùy thuận Phật pháp vô thượng. Nếu có người khéo hay phân biệt, tùy thuận tuyên nói, những gì mà người này biết chính là tướng mạo của Bồ-tát.

Hỏi: Đại chỉ nhất tâm của không môn bình đẳng, đã là tốt xấu không phân biệt, phàm Thánh đều viên mãn tại sao lại thọ lãnh sự khổ vui không đồng ?

Đáp: Mọi việc do người tự chuốc lấy, một lý duy tâm không thiếu sót; tốt xấu từ niệm sinh, quả báo đâu từ nơi người mà có ?

Như pháp sư Truyền Áo nói: Chỉ vì bên trong có ác nghiệp thì bên ngoài cảm tà ma. Nếu bên trong khởi thiện tâm thì bên ngoài gặp chư Phật. Đây là thiện ác tại mình, nào phải do người ? Thế nên Tây Thi thích ngắm sông, Mô Mẫu không thích gương soi, thật là ngu si! Vả lại người quân tử còn cầu chỉ lỗi của mình mà chẳng oán trời trách người, huống chi là Bồ-tát ? Nếu có thể tin sâu lời này thì có thể tâm không, nghĩ dứt đôn nhập pháp không ?

Cho nên *luận Khởi Tín* nói: “Hoặc chúng sinh không có thiện căn liền bị các tà ma, ngoại đạo, quỷ thần mê hoặc hoặc trong lúc ngồi thiền hiện hình khủng bố, hoặc hiện tướng nam nữ đoan chính, thế nên niệm cảnh giới duy tâm thì tiêu diệt hết, không bị nhiễu loạn”.

Phải biết Thánh là ngay thẳng, tâm ngay thẳng là Thánh cho nên nói tâm chính có thể thắng tà, như nhật nguyệt ở giữa trời cỏ cây không có bóng nghiêng. Cho nên biết tâm này là nhà của phàm Thánh, là cội nguồn của căn cảnh. Do vì phàm phu chấp làm thức a-lại-da trở thành cái nhân sinh tử khổ não. Bậc Thánh đạt thành Như Lai tạng tâm, được quả niết-bàn thường lạc. Nếu gọi là thức a-lại-da thì có tên mà không có thể, vì tình chấp cái có chẳng rốt ráo, khi đã chứng Thánh thì tên a-lại-da bỏ đi. Nếu gọi là Như Lai tạng tâm thì có tên có thể, vì sẵn có chẳng phải tình chấp, đến thuở vị lai không gián đoạn. Như dùng vàng làm đồ trang sức, đồ trang sức rỗng không, thể vàng hiển lộ. Như Lai tạng làm thành lại-da, tướng lại-da rỗng không, tạng tính hiện bày. Nay chúng sinh vì theo tình chấp nặng nề, đa phần nhận lại-da, chẳng tin có Như Lai tạng. Vì chẳng tin nên tự khinh rẻ mình và lại hủy diệt người khác, tội phi báng không gì hơn làm lỗi này. Niệm niệm mê muội Như Lai pháp

giới tính, từng bước tạo ra nhân nghiệp quả chúng sinh, nghiệp ác ngày tăng, duyên thống khổ vô tận, ở nơi chỗ an ổn sinh tâm khổ não, ở trong giải thoát trở thành trói buộc, nhận lãnh những quả báo khổ như lửa đốt miệng, kim châm cổ, thân thể mang lông đội sừng, trước mắt bị lưới rập đánh bắt; hoặc đọa ngục vô gián, ôm lấy khổ kịch liệt thường ở trong vòng lửa; hoặc sinh vào cung Tu-la khởi đấu tranh mà tuôn rơi đao kiếm; hoặc tạm ở cõi người trong sát-na bị tám thứ khổ thiêu đốt; hoặc ở thiên cung, phút chốc năm tướng suy xuất hiện; chìm đắm trong ba thứ chướng, chẳng ra khỏi bốn loại ma, đều là chẳng biết Như Lai tạng tâm, mất đi duy thức diệu tánh, trái lời từ phụ, làm thuê bên ngoài, bỏ ngôi vua đại trí, đi theo nước khác. Thế nên chư Phật sợ chúng sinh vào nhà lửa, Tổ sư cố tình từ Ấn Độ sang chỉ chỗ quay về chân thật mà chẳng chịu về, bày chính kiến mà chẳng nhận thấy, đều là chỗ tàng thức huân tập lâu bền từ vô thủy, tình chấp dày như vách băng muôn lớp, gốc nghi sâu tựa hang tối nghìn trùng. Nay sưu tầm những lẽ huyền áo, chẳng ngại lời văn rườm rà, hòa hội lời vi diệu của nghìn Thánh, thấu suốt thuyết bí hiểm của trăm nhà thì không pháp nào chẳng thuận mà thành tựu môn liễu nghĩa; không một niệm nào chẳng hòa đều là đạo vô tranh thì trong khối rỗng lục nhập rớt ráo không người, trong nhà ngũ ấm hoát nhiên hư tịch, cho nên bên trong không tạo tác, bên ngoài không nương tựa. Ngoài không nương tựa nên vạn hữu không thể trói buộc, trong không tạo tác nên mọi suy nghĩ không thể dong ruổi, liền được thanh tịnh cõi Phật, không còn một trần làm loạn; giữ gìn phép nước không một cảnh nào mà chẳng hàng phục, có thể gọi là lúc thể hội thiên tính thì không còn gì khác như ngày nay cha con nhận biết nhau.

Như *kinh Ương-quật-ma-la* ghi: “Người hưởng thọ mọi khoái lạc của trời người, được dòng họ thù thắng, đây là do nghe biết tất cả chúng sinh đều có Như Lai tạng thường trụ (...) nếu chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại ở trong năm đường thân thể khiếm khuyết,

luân hồi sinh tử chịu mọi thứ khổ đau, đây là do khinh mạn Như Lai tạng”.

Hỏi: Chỉ cần thấu rõ nhất tâm chẳng cầu các pháp thì có thể nối tiếp Tam Bảo tự hành hóa tha, được địa vị Diệu giác viên mãn chẳng ?

Đáp: Tâm giác ngộ không thay đổi thì khai mở tri kiến Phật. Tri kiến Phật mở ra thì không sự u huyền nào mà chẳng thấy, Phật nhãn mới thấy được tướng bất nhị, Phật trí mới biết được đạo nhất thật, chiếu tận cùng bờ pháp giới, thấu suốt đáy chân nguyên, trên trở thành chư Phật, dưới hóa độ chúng sinh, thấy đều từ đây, mình người đều lợi ích.

Muôn tu hành chân chính, nếu không quy về Tông Cảnh sẽ rơi vào đường tà, hoặc vương vào quyền tiểu. Chính nghĩa Tông Cảnh, đối với sự viên tu này, tất cả chư Phật quá khứ đã thành, tất cả chư Phật hiện tại đang thành, tất cả chư Phật vị lai sẽ thành, tất cả Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát hiện tại đang học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học. Do đó *luận Khởi Tín* nói trước tiên cần phải chính niệm pháp chân như. *Thạch Bích Sao* ghi: Nghĩa là tất cả hạnh môn đều từ chân như khởi, vì chân như là nguồn gốc của hạnh, chẳng phải là hạnh của chân như lưu xuất. Bởi không khế hợp chân như thì làm sao có hạnh khế chân chẳng từ chân như khởi. Đây là căn bản trong việc tin pháp. Do đó muôn duyên khởi ra bắt đầu từ chân như; hội duyên nhập vào cũng vào nơi chân như. Bồ-tát phát tâm trước tiên phải nghĩ nhớ chân như. Bồ-tát khởi lòng tin trước tiên cũng phải tin chân như, Bồ-tát lúc khởi hạnh trước tiên cũng phải khế hội chân như.

Lại hỏi: Thế nào là tin chân như ?

Đáp: Chẳng tin tất cả pháp là tin chân như, vì trong chân như vốn không có các pháp. Nếu thấy các pháp là có, ấy là tin các pháp mà chẳng tin chân như. Cho nên nếu từ trước chẳng vun trồng nhân duyên chúng tử bồ-đề thì rất khó khởi lòng tin. Vì thế Tổ sư

tụng: “Duyên lớn hợp tín tâm”, nếu được vào Tông Cảnh là biết không phải duyên nhỏ.

Như *kinh Lăng Già* ghi: Bảy giờ, Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Huệ: Nhiếp thọ đại thừa thì nhiếp thọ chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Nhiếp thọ chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn thì nhiếp thọ tất cả chúng sinh. Nhiếp thọ tất cả chúng sinh là nhiếp thọ chính pháp. Nhiếp thọ chính pháp thì Phật chúng không mất. Phật chúng không mất thì có thể biết rõ được vào nơi thù thắng. Biết rõ được vào nơi thù thắng thì Bồ-tát ma-ha-tát thường giáo hóa chúng sinh kiến lập Đại thừa, có mười lực tự tại, hiện các sắc tượng, thông đạt hình loại chúng sinh và các tướng phiền não, thuyết pháp đúng như thật. Như thật là không khác. Như thật là tướng chẳng đến chẳng đi. Tất cả hư vọng đều dứt sạch gọi là như thật.

Lại nói: “Phật dạy: Chỉ cần giác ngộ hiện lượng tự tâm thì vọng tưởng không sinh, an ổn khoái lạc, dứt hết thế sự”.

An ổn khoái lạc thì tịch tĩnh diệu thường. Dứt hết thế sự thì phan duyên đã dứt, có thể gọi là gặp kho báu viên mãn, bật mọi mong cầu, đạt đến niết-bàn thường lạc không còn chỗ nào khác, đây là nơi của phàm Thánh như về đến quê hương, là chỗ nương của mê ngộ đã tận cùng gốc rễ.

*Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Kho báu kim cương không khuyết giảm”.

*Kinh Hoa Nghiêm* có kệ:

*Các thứ biến hóa vô lượng lực,  
Tất cả thế gian như vi trần,  
Thấy đều muốn biết từ tâm khởi,  
Bồ-tát do đây mà phát tâm.*

*Luận Bảo Tạng*, phẩm Bản Tế ghi: “Thế nên bản tế vô danh, gọi là vô danh; bản tế vô tướng gọi là vô tướng. Danh tướng đã lập thì vọng hoặc liền sinh, lý chân nhất chìm thì sự đạo tông ẩn. Thế nên sự vô danh khắp thông tất cả, không thể gọi tên, vượt qua ranh

giới hạn lượng nhất thể không hai”. Cho nên kinh nói: “Sum la vạn tượng do một pháp ấn đó là bản tế”. Song lý bản tế không tự không tha, phi nhất phi dị, bao hàm nhất khí, gồm thâu vạn hữu. Nếu có người tự tính thanh tịnh sinh ra trong hàm nhất, trong đó không có vọng tưởng đó là Thánh nhân nhưng trong thực tế cũng không có mảy may pháp Thánh nhân. Nếu lại có người tự tính thanh tịnh sinh ra từ hàm nhất, trong đó có vọng tưởng tự nhiên loạn động đó là phàm phu nhưng trong thực tế cũng không có mảy may pháp phàm phu. Cho nên kinh nói: “Phật tính bình đẳng rộng lớn khó lường, phàm Thánh không hai, tất cả viên mãn, bao trùm cây cỏ, trùng kiến, cho đến hạt bụi lông tóc không có gì chẳng sinh từ hàm nhất, cho nên nói hay biết rõ cái nhất thì mọi việc đều xong. Thế nên chúng sinh đều nương vào cái nhất mà sinh nên gọi là nhất thừa. Nếu mê thì thấy khác, nếu ngộ thì thấy đồng, nên nói niệm trước là phàm, niệm sau là Thánh”.

Lại nói: “Một niệm biết tất cả pháp, cho nên một là tất cả, tất cả là một”, nên nói do cái nhất làm thành vạn tượng. Cho nên kinh nói: “Tất cả nếu hữu tâm thì mê, nếu vô tâm thì trùm khắp mười phương”, nên chân nhất vạn sai, vạn sai chân nhất, như biển cả dậy nghìn lượn sóng, nghìn lượn sóng là biển cả, tất cả đều không sai khác. Cho đến vạn vật hàm nhất mà sinh thì vạn vật cũng là nhất. Vì sao ? Vì gốc là một nên ngọn không khác, như cây đàn mọc ra cành đàn chẳng phải cành xuân. Vì vậy *kinh Pháp Hoa* có kệ: “Trong cõi Phật mười phương, chỉ có pháp nhất thừa”.

Nhất thừa là nhất tâm. Tất cả vạn hữu, mười phương hư không đều từ chủng tử của nhất tâm chân như hiện ra, như đàn sinh cành đàn, lan mọc lá lan, cho đến gốc, ngọn, ở giữa, hai bên không tướng nào khác, cho nên nói một là tất cả, tất cả là một. Nếu có thể như thế lo gì chẳng xong, rốt ráo viên thông. Ngoài đây ra không có pháp nào chẳng liễu thì không lý nào chẳng rõ, không việc nào chẳng tận, vì một pháp có thể thành tất cả pháp.

*Hoa Nghiêm Sớ* ghi: Nếu vào pháp quán này thì trí và tâm tương ứng, thế nên nhân do tâm học, quả do tâm thành, cảnh từ tâm hiện, hiểu từ tâm khởi. Phần vị thần thông là tâm, lực dụng tạo tác là tâm, hiện khởi phân biệt là tâm, quyết trách sở đắc là tâm, cho đến tầm cầu tri thức, đi đến cõi Phật đều là tâm. Ngoài tâm không được chi, còn nghi ngờ gì nữa ? Cho nên biết tâm cầu thì Ta-bà hiện tướng, tâm tịnh thì Hoa tạng bao hàm không, xoay vần mà hằng khởi vòng thức, giảng buộc mà chẳng lìa lưới tâm, cho nên hải tràng chẳng khởi tịch định, làm Phật sự khắp mười phương. Thiện Tài chẳng ra khỏi đạo tràng mà đi khắp một trăm mười thành. Thế nên Văn-thù chính là diệu huệ năng chứng của tự tâm. Thiện Tài đến Di-lặc, sau khi nhất tâm viên mãn Phật quả liền thấy Văn-thù. Nhân vị sắp cùng tột khiến cho soi lại nguồn tâm, không còn gì khác. Vì chưa bắt đầu động niệm nên tham phỏng Văn-thù lần nữa mà chẳng thấy thân này. Chỉ cần thấu rõ tự tâm tính không bát-nhã ấy là thật thấy Văn-thù.

Phổ Hiền là diệu hạnh sở chứng pháp giới vô tận của tự tâm. Thiện Tài tuy đi khắp pháp giới tham học các bậc thiện hữu, muốn thấy Phổ Hiền chẳng nhờ chỉ dẫn, liền ở nơi mới gặp trước tòa Như Lai khởi niệm cầu, tùy niệm thấy. Phổ Hiền ở trước Như Lai ban đầu không dời đổi, đây chính hiển quán tâm liền thấy tướng lạ. Thấy nghe chứng nhập do thấy tướng ở trước là thấy tâm. Do đó thân tượng Phổ Hiền như hư không ở khắp nơi, vì vậy Bồ-tát Phổ Nhãn v.v.. nhập trăm nghìn tam-muội cầu thấy Phổ Hiền mà không được, cho rằng lìa niệm nhập định, chán cảnh cầu chân mà chẳng biết rằng trần trần là Văn-thù, niệm niệm là Phổ Hiền. Thế nên một Thiện Tài vận bi trí tung hoành mười phương, tu nguyện hạnh dọc suốt ba thuở. Từ trước đến sau nhân mãn quả viên, hiển nhất tâm cho là chuẩn mực tổng nhiếp tất cả, Bồ-tát mới tu hành đều tu theo pháp này, lìa quán tâm này không có sự thù thắng khác cho đến lục độ vạn hạnh. Nếu chẳng rõ tự tâm thì đều trở thành quyền tiếm, quả

trở về sinh diệt, báo nơi trời người; nếu có thể vận dụng tâm này thì phước trí vô tận.

Như *Luận Đại Trí Độ* nói: Bồ-tát ma-ha-tát biết thật tướng các pháp không lấy không bỏ, không thể phá hoại, thực hành bất khả đắc Bát-nhã ba-la-mật, đem tâm đại bi trở lại tu phước hạnh. Môn phước hạnh đầu tiên là tu hạnh bố thí. Bồ-tát thực hành bát-nhã ba-la-mật, trí tuệ sáng suốt có thể phân biệt phước bố thí, vật bố thí tuy như nhau, song phước đức nhiều ít là tùy tâm ưu liệt. Như ngài Xá-lợi-phất dâng một bát cơm cúng Phật, Phật liền đem bố thí cho chó, rồi hỏi Xá-lợi-phất: Ông đem cơm dâng cho ta, ta đem bố thí cho chó, ai được phước nhiều ? Xá-lợi-phất thưa: Theo con hiểu nghĩa Phật pháp thì Phật bố thí cho chó được phước nhiều hơn”.

Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ tối thượng và phước điền của Phật là đệ nhất, vậy mà chẳng bằng đức Phật bố thí cơm cho chó, nên biết phước lớn từ tâm sinh, chẳng phải ở nơi đối tượng tiếp nhận, như ngài Xá-lợi-phất trăm nghìn ức phước điền mà chẳng bằng tâm Phật.

Hỏi: Như ông nói phước điền tốt đẹp thì được phước nhiều, vậy mà ngài Xá-lợi-phất cúng dường Phật lại không được phước lớn ?

Đáp: Phước điền tốt đẹp ấy tuy nhiều mà chẳng bằng tâm. Vì sao ? Tâm là chủ bên trong, phước điền là việc bên ngoài. *Kinh Bồ-tát Bản Duyên* có kệ:

*Khi thực hành bố thí,  
Phước điền tuy bất tịnh,  
Nếu sinh tâm rộng lớn,  
Quả báo không thể lường.*

Cho nên biết phước từ tâm sinh, chứ không phải từ đối tượng. Riêng thỉnh năm trăm vị A-la-hán chẳng bằng nương tựa một phạm tăng, vì sao ? Vì tâm bình đẳng thì phước thù thắng, tâm thù xả thì phước nhỏ bé, cho nên hơn kém do tâm, chẳng phải do đối tượng. Pháp thí đã vậy thì lục độ vạn hạnh cũng thế.

Do đó *Thanh Lương Sao* ghi: Nhân trùm biển quả, quả suốt nguồn nhân. Vì quả tốt cùng do nơi lòng tin ban đầu. Lòng tin nương theo bản trí mà khởi, vì nay chẳng lìa bản trí. Đây là do nhân thành quả, nhiếp quả đáp nhân. Nhân có hai thứ: một là căn cứ vào bản hữu, vì Hằng sa tính đức tín giải hạnh nguyện v.v... đều đầy đủ; hai là căn cứ vào tu khởi, nghĩa là y theo gốc tín đức khởi tín tâm, y theo gốc giải đức khởi giải tâm. Như *luận Khởi Tín* nói: “Vì biết pháp tính không xan tham nên tùy thuận tu hành đàn ba-la-mật v.v...”. Tất cả tu khởi đều kèm theo bản hữu cho đến đắc quả. Trong đạo vô gián nhất thời đốn viên, trong đạo giải thoát nhân quả xen suốt, gọi là đắc quả. Quả cũng có hai thứ: một là bồ-đề niết-bàn sẵn có, vì tất cả Phật tính bản giác đầy đủ; hai là tu khởi khiến chứng bồ-đề, vì mới giác ngộ nên thì giác đồng với bản giác, không còn thì bản khác biệt, gọi là cứu cánh giác thì hai quả vô ngại. Nhưng hai nhân vốn khởi từ trên thể của bản giác thì hai nhân cùng với bản quả vô ngại. Thì giác đã đồng bản giác thì quả hoàn toàn đồng với hai nhân và hai nhân cùng hai quả xen suốt cho nên nhân gồm biển quả, quả suốt nguồn nhân. Lại lúc mới phát tâm liền thành Chính giác là nhân gồm quả; tuy đắc Phật đạo mà chẳng bỏ hạnh Bồ-tát là quả suốt nhân.

*Luận Hoa Nghiêm* nói: “Thiện Tài trong một niệm phát tâm liền không còn năng sở, thấu rõ tính ba đời, tính dứt tuyệt xưa nay, tự biết tự tâm xưa nay là Phật, chẳng thành Chính giác, chẳng chứng bồ-đề. Thân tâm tính tướng vô chứng, vô tu, chẳng thành, chẳng hoại, xưa nay như thế, tùy duyên động tịch, chẳng hoại hữu vô, các hạnh được tu hành đều từ trí khởi. Ý chỉ của Tông Cảnh này là chỗ biết của trí khéo léo, là chỗ tin của tâm rộng lớn”.

*Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Biết các thứ sở duyên của tất cả chúng sinh chỉ là một tướng bất khả đắc, tất cả các pháp đều như. Trí kim cương thiện xảo, trên đến địa vị Diệu giác cực Thánh, giữa đến môn tu hành của đại quyền Bồ-tát, dưới đến chỗ sinh tử của hạng phàm phu thấp nhất, đều đồng nhất tâm không có cao thấp. Mê nó tự đọa,

ngộ nó tự thẳng, mê ngộ dường như khác biệt mà chân tâm chẳng thay đổi. Cổ đức nói: “Chẳng soi tự tâm, luống phụ tính linh”. Lại nói: “Chẳng rõ chính mình thì luống chạy theo vật”. Khai thị như thế chẳng cô phụ căn cơ trước, như cầm cây đao thật ở kho vua, được đúng vị thuốc của Tuyết Sơn. Người chứng giải tín nhập thì tiếp nói Bảo Vương, người thấy nghe tùy hỉ có thể thành Phật chủng. Ân này khó báo đáp, chẳng phải tầm thường, cho dù vai mang đầu đội tận trần sa kiếp cũng không thể báo ân một câu kinh. Ngưỡng mộ những người xa xưa cầu pháp như Phật Thích-ca v.v... từng gieo thân vào lửa đỏ, dấn mình vào rừng sâu, chẻ xương xẻo thân, lột da chích máu; cho đến như Thường Đề đến phương Đông thỉnh; Thiện Tài tới phương Nam; Dược Vương đốt tay; Phổ Minh cắt đầu đều là những người biết đền đáp ân đức, những bậc vì pháp quên thân. Nay khuyên hàng hậu học nên trân trọng tự tâm, chớ tự khinh để thời gian luống qua.

Hỏi: Ý chỉ bí mật của đấng giác ngộ về chân tâm diệu minh, lý tuy viên đôn nhưng chính giải khó thành, tôi mong được môn thiện xảo để người sau có thể tin được.

Đáp: Trước đã dẫn pháp để nói, nay lại đem dụ để thuyết minh Tông Cảnh. Nhất tâm là tự tính của các pháp, như hạt châu tám vạn bốn nghìn lỗ, vào được một lỗ là toàn thân thể của hạt châu, như bóng trăng hiện trên các dòng sông, mỗi mỗi bóng trăng không lìa vàng trăng trên trời. Lại như phân chia từng miếng cây chiên-đàn mà mùi hương gốc không thay đổi, như bầu trời xanh trong khắp nơi mà cùng đồng sắc xuân. Đây là một pháp sáng tâm, muôn duyên đều tỏ, pháp dụ rõ ràng có thể dứt hết nghi ngờ.

Hỏi: Khi nêu tông nói thẳng nghĩa chính thì cần gì dẫn ví dụ ?

Đáp: Vì những người chưa đốn ngộ thì cần phải dùng phương tiện. *Luận Phương Tiện Tâm* nói: Nếu dùng ví dụ phạm Thánh đều hiểu, sau đó mới nói. Như nói tâm này phát động như gió mạnh, vì tất cả phạm phu biết gió động nên quyết định lấy nó dụ cho tâm dao động; nếu không biết thì không lấy làm dụ.

Hỏi: Tại sao không nói nghĩa chính mà nói ví dụ ?

Đáp: Thông thường nói dụ là thuyết minh nghĩa chính. Lại nói: Khi muốn lập nghĩa phải y theo bốn thứ tri kiến. Những gì là bốn ? Một là hiện kiến, hai là tỷ tri, ba là dụ tri, bốn là theo kinh giáo.

*Kinh Pháp Hoa* nói: “Người trí có thể do thí dụ mà hiểu được”. Nay căn cứ sự hiểu biết đúng đắn sáng suốt, chẳng phải nói pháp hay nói dụ. Nếu chẳng ngộ đạo một bề chấp bặt ngôn ngữ, những điều được nói ra đều là những lời đề xướng về tông, về đạo, là những lời nói tốt cùng, như nói muôn câu rỗng tuếch chẳng bằng một câu diệu lý, cả nghìn mắt cá không bằng một hạt minh châu. Một câu diệu lý là lời của Tông Cảnh, lời này không thể nói mà tự rõ, không thể giải mà tự biết. Do đó nói: lời hay không cần nói nhiều, nói nhiều thì chẳng hay.

Hỏi: Ý chỉ Phật bày ra giáo đốn tiệm, Thiên tông phân chia nam bắc, còn đây căn cứ tông giáo gì để phô dương ?

Đáp: Đây nói về kiến tính minh tâm, không chú trọng về phân tông phân giáo, chỉ nêu vào thẳng, đốn ngộ viên tu, chẳng lìa phương tiện cầu giải thoát, trọn chẳng chấp văn tự mê bản tông.

Nếu y theo giáo là Hoa Nghiêm thì trình bày những lời về nhất tâm rộng lớn. Nếu y theo tông là Đát-ma thì chỉ thẳng tâm tính chúng sinh. Như thiền sư Tông Mật lập ba tông ba giáo, hòa hội Tổ giáo, một thuở dung thông.

Thiền có ba tông: một là tức vọng tu tâm tông, hai là dẫn tuyệt vô ký tông, ba là trực hiển tâm tính tông.

Giáo có ba thứ: một là mật ý y tính thuyết tướng giáo, hai là mật ý phá tướng hiển tính giáo, ba là hiển thị chân tâm tức tính giáo.

Trước hết trình bày về thiên tông:

1- Tức vọng tu tâm tông: Nói rằng chúng sinh tuy sẵn có Phật tính nhưng bị vô thi vô minh che lấp chẳng thấy cho nên luân hồi sinh tử. Chư Phật đã dứt sạch vọng tướng cho nên thấy tính rõ ràng,

ra khỏi sinh tử, thần thông tự tại. Nên biết công dụng của phàm Thánh không giống nhau vì ngoại cảnh do tâm, đều riêng có phần hạn cho nên cần phải bỏ cảnh quán tâm, quét sạch vọng niệm, niệm hết liền giác thì không gì chẳng biết, như gương bị bụi bám, bụi sạch thì gương sáng cho nên phải tu thiền quán, xa lìa ồn náo, điều hòa hơi thở, điều thân, tâm chuyên chú một cảnh...

2- Dẫn tuyệt vô ký tông: Nói rằng pháp phàm Thánh v.v... đều như mộng huyễn, đều không có thật xưa nay không tịch, chẳng phải hôm nay mới không, tức là trí đạt không này cũng bất khả đắc, pháp giới bình đẳng không Phật, không chúng sinh, pháp giới cũng là giả danh. Tâm đã không thì ai nói pháp giới, không tu mà không pháp tu nào chẳng tu, không Phật mà không Phật nào chẳng Phật. Cho dù có một pháp hơn cả niết-bàn ta nói cũng là mộng huyễn, không pháp để trói buộc, không Phật để thành. Phàm những gì tạo tác đều là mê vọng. Nếu thấu rõ xưa nay vô sự, tâm không nương gá mới tránh khỏi sự điên đảo đó gọi là giải thoát.

3- Trục hiện tâm tính tông: Nói rằng tất cả các pháp hoặc có hoặc không đều chỉ có chân tính vô tướng vô vi, thể của nó phi tất cả, nghĩa là phi phàm, phi Thánh, nhưng dụng của thể ấy là phàm, là Thánh. Trong đó chỉ bày tâm tính có hai loại: một là ngôn ngữ, động tác, tham sân, từ nhẫn, tạo thiện ác, thọ khổ vui v.v... hiện tại chính là Phật tính của ông. Cái ấy xưa nay là Phật, trừ đây ra không có Phật khác. Vì thấu rõ thiên chân tự nhiên này nên không thể khởi tâm tu đạo. Đạo là tâm, tính như hư không chẳng tăng chẳng giảm. Chỉ cần tùy thời tùy nơi dứt nghiệp dưỡng thần, tự nhiên thần diệu, đây là chân ngộ. Hai là các Thánh đồng nói các pháp như mộng, vọng niệm vốn lặng, trần cảnh vốn không. Tâm vốn không, linh tri chẳng mê muội. Cái biết không tịch này là chân tính của ông, dù mê dù ngộ tâm vốn tự biết, chẳng nhờ duyên sinh, chẳng do cảnh khởi. Một chữ “tri” là cửa của các thứ nhiễm màu. Nếu đón ngộ cái tri không tịch này, biết nó vô niệm vô hình, cái gì là ngã tướng, nhân tướng. Giác biết các tướng không, tâm tự vô niệm,

niệm khởi liền biết, biết rồi thì không tu hành diệu môn, chỉ cần ngay nơi đây thôi. Hai thuyết trên đều là hội tướng quy tính cho nên đồng một tông.

Sau đây nói Phật giáo có ba thứ:

1- Mật ý y tính thuyết tướng giáo: Phật nói ba cõi sáu đường đều là tướng của chân tính. Chỉ vì chúng sinh mê tính mà khởi, không có tự thể riêng, cho nên nói y tính. Nhưng người độn căn vốn khó khai ngộ, cho nên tùy theo cảnh tướng mà họ thấy đức Phật nói pháp tuần tự hóa độ họ cho nên gọi là thuyết tướng. Nói chưa rõ ràng nên gọi là mật ý. Trong giáo này tự có ba loại:

a) Nhân thiên nhân quả giáo: Nói về nghiệp báo thiện ác khiến biết nhân quả.

b) Đoạn hoặc diệt khổ giáo: Nói về ba cõi không an như nổi khổ trong nhà lửa khiến dứt trừ tập nghiệp hoặc mà tu đạo chứng diệt v.v...

c) Đem thức phá cảnh giáo: Nói về những pháp sinh diệt không liên quan đến chân như. Chỉ vì chúng sinh từ vô thủy đến nay pháp nhĩ có tám thức, trong đó thức thứ tám là căn bản, biến ra chủng tử căn thân, khí thể giới, chuyển sinh bảy thức, đều hay biến hiện tự phần sở duyên. Ngoài tám thức này ra đều không có pháp thật.

Hỏi: Biến hiện thế nào ?

Đáp: Do sức huân tập phân biệt ngã pháp nên các thức khi sinh biến tợ ngã pháp. Vì hai thức sáu và bảy vô minh che đậy nên duyên nơi đây chấp là thật ngã thật pháp. Như nằm mơ do sức mơ mộng dường như có các tướng ngoại cảnh hiện, lúc chiêm bao chấp là thật có ngoại vật, khi tỉnh giấc mới biết chỉ là do chiêm bao biến hiện. Thân ta và thế giới cũng như thế do duy thức biến hiện. Mê nên chấp có ta có cảnh, khi ngộ rồi vốn không có ngã pháp, chỉ có tâm thức bèn nương theo trí nhị không này tu duy thức quán và lục độ, tứ nhiếp v. v... dần dần phục đoạn hai chướng phiền não và sở tri, chứng nhị không, hiển bày chân như. Hàng Thập Địa viên mãn

chuyển tám thức thành bốn trí bồ-đề, chân như; chướng hết thành tựu quả pháp thân, niết-bàn. Dem thức phá cảnh giáo này cùng “tức vọng tu tâm tông”, của Thiền tông phù hợp nhau, vì biết ngoại cảnh đều là không nên chẳng tu sự tướng ngoại cảnh, chỉ là dứt vọng tu tâm, đó là dứt vọng của ngã pháp, tu tâm của duy thức.

2- Mật ý phá tướng hiển tính giáo: Theo liễu nghĩa chân thật thì vọng chấp vốn không cũng không thể phá; các pháp vô lậu là diệu dụng tùy duyên của chân tính hẳn không đoạn tuyệt chẳng nên phá. Chỉ vì chúng sinh chấp tướng hư vọng, chướng ngại thật tính chân như, khó được huyền ngộ. Vì không phân biệt tính tướng thiện ác cấu tịnh nên Phật quả trách phá trừ tất cả. Vì chân tính và diệu dụng chẳng phải không mà cho là không nên gọi là mật ý. Lại ý ở nơi hiển tính gọi là phá tướng. Ý chẳng biểu lộ ra lời nói nên gọi là mật. Giáo này nói cảnh sở biến đã là hư vọng thì thức năng biến làm sao chân thật? Tâm cảnh nương vào mà dường như có. Vả lại tâm chẳng riêng khởi, nhờ giá cảnh mới sinh. Cảnh chẳng tự sinh, do tâm nên hiện. Tâm như cảnh lặng, cảnh diệt tâm không, đều nhờ các duyên không có tự tính. Cho nên tất cả các pháp đều là không. Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, thế nên trong cái không chẳng có ngũ âm, lục căn, nhân duyên, tứ đế, không trí cũng không đắc, sinh tử niết-bàn bình đẳng như huyễn. Giáo này hoàn toàn giống với “dẫn tuyệt vô ký tông” trong thiền môn.

3- Hiển thị chân tâm tức tính giáo: Chỉ thẳng tự tâm chính là chân tính, chẳng hiển bày theo sự tướng, cũng chẳng hiển bày theo phá tướng, cho nên nói tức tính. Chẳng phải là ý nghĩa phương tiện ẩn mật nên nói là hiển thị. Giáo này nói tất cả chúng sinh đều có chân tâm không tịch, từ vô thi xưa nay tính tự thanh tịnh, rõ ràng chẳng mê muội, sáng suốt thường biết, tận thuở vị lai thường trụ bất diệt gọi là Phật tính, cũng gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là tâm địa. Tổ Đạt-ma truyền bá chính là tâm này.

Hỏi: Đã nói tính tự sáng suốt thường biết thì cần gì chư Phật khai thị?

Đáp: Đây nói tri, chẳng phải là chứng tri. Ý nói chân tính không như hư không, gỗ, đá, nên gọi là tri. Chẳng phải như thức duyên theo cảnh phân biệt, chẳng phải như trí chiếu thể liễu đạt mà chính là tính chân như tự nhiên thường biết.

*Luận Khởi Tín* nói: “Chân như là tự thể chân thật hay biết”. *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Chân như chiếu sáng là tính”. Lại nữa phẩm Văn Minh nói rằng trí với tri khác nhau; trí hạn cuộc nơi Thánh chẳng thông nơi phàm, tri thì phàm Thánh đều có, thông cả lý trí. Bồ-tát Giác Thủ hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Những gì là cảnh giới trí của Phật? Những gì là cảnh giới tri của Phật? Ngài Văn-thù đáp lại bằng bài tụng:

*Trí chư Phật tự tại,  
Ba đời không ngăn ngại,  
Cảnh giới tuệ như thể,  
Bình đẳng như hư không.*

Lại tụng:

*Chẳng phải thức hay biết,  
Chẳng phải cảnh giới tâm.  
Tính nó vốn thanh tịnh.  
Khai thị các quần sinh.*

Đã nói rằng vốn thanh tịnh chẳng đợi đoạn trừ chướng là biết quần sinh xưa nay đều sẵn có, chỉ vì lậu hoặc phiền não che lấp nên chẳng tự biết, cho nên trong kinh Pháp Hoa khai thị khiến được thanh tịnh, là ly cấu thanh tịnh trong luận Bảo Tánh. Tâm này tuy tự tính thanh tịnh nhưng cần phải ngộ tu mới được cứu cánh. Kinh luận nói có hai thứ thanh tịnh, hai thứ giải thoát. Hoặc chỉ được ly cấu thanh tịnh giải thoát nên hủy báng thiên môn tức tâm tức Phật. Hoặc chỉ biết tự tính thanh tịnh giải thoát rồi coi thường giáo tướng, chê bai các hạnh trì giới, tọa thiền, điều phục v.v.. Họ chẳng biết cần phải đốn ngộ tự tính thanh tịnh, tự tính giải thoát, rồi tiệm tu để được ly cấu thanh tịnh, lìa chướng được giải thoát, thành tựu

viên mãn thanh tịnh, cứu cánh giải thoát. Hoặc thân hoặc tâm không bị vướng mắc như đức Phật Thích-ca.

Kinh hỏi thế nào là cảnh giới trí của Phật, đây hỏi về trí chứng ngộ. Thế nào là cảnh giới trí của Phật, đây hỏi về chân tâm sẵn có. Đáp trí là Phật trí tự tại ba đời không ngăn ngại. Đáp tri là chẳng phải thức có thể biết cũng chẳng phải cảnh giới của tâm.

Thức là phân biệt, phân biệt chẳng phải chân tri, chỉ vô niệm mới thấy. Lại nếu dùng trí chứng ngộ thì thuộc về cảnh sở thuyên, vì chân tri chẳng phải cảnh giới; chợt khởi soi chiếu tâm liền chẳng phải chân tri, chẳng phải cảnh giới của tâm. Vì chẳng khởi tâm là huyền diệu, vì tập khởi gọi là tâm, khởi tâm để khán tức là vọng tưởng cho nên chẳng phải là chân tri. Cho nên chân tri ắt phải rỗng rang tâm trí, đừng nói năng suy nghĩ phải dứt sạch. Bắc tông khán tâm là đánh mất chân chỉ, nếu có chỗ để khán tức là cảnh giới.

*Luận Bảo Tạng* nói: “Biết hữu thì có hoại, biết vô thì không bại”. Trí của chân tri chẳng chấp hữu vô; đã không chấp hữu vô tức là cái tri của tự tính vô phân biệt. Thế nên cái tri của tự thể chân tâm tức là vô duyên tâm, chẳng cần tác ý mà nhậm vận thường tri, không vướng hữu vô, vượt lên năng sở.

Hoà thượng Thủy Nam nói: “Dụng của tức thể gọi là tri; thể của tức dụng gọi là tịch. Như đèn tức là ánh sáng, ánh sáng tức là đèn; đèn là thể, ánh sáng là dụng, không hai mà hai”.

Lại nói một chữ tri là cửa của mọi điều huyền diệu. Như vậy khai thị tâm linh tri là chân tính không khác với Phật nên gọi là hiển thị chân tâm tức tính giáo hoàn toàn giống với trực hiển tâm tính tông thứ ba của thiên môn.

Mã Minh cho tâm là bản nguyên, Văn-thù chọn tri làm chân thể. Tại sao những người phá tướng chỉ gọi là tịch diệt, chẳng thừa nhận những nhà chân như nói tướng; chấp phạm khác với Thánh thì chẳng thừa nhận chính là Phật.

Nay căn cứ vào giáo mà pháp định, chủ yếu vì hạng người này nên Tây Vực truyền tâm phần lớn gồm cả kinh luận không hai

đường. Chỉ vì ở Trung quốc mê tâm chấp văn, cho danh là thể nên Đạt-ma khéo léo lựa bỏ văn tự chỉ truyền tâm, nêu danh để ngầm bày thể, dụ cho việc bích quán (nhìn vào vách) để bật các duyên.

- Khi bật các duyên có đoạn diệt không ?

Dù bật các niệm cũng không đoạn diệt.

- Lấy gì chứng nghiệm không đoạn diệt ?

Rõ ràng tự biết, không thể nói được.

Sư liên ấn khả: Đây là tự tính thanh tịnh tâm, chớ có nghi ngờ.

Nếu đáp không khế hợp thì chỉ ngăn những điều sai trái, lại khiến cho quan sát. Rốt cuộc không nên nói trước với người khác chữ tri, hãy chờ người ấy tự ngộ mới nghiệm chân thật, đó là thân chứng thể tính, rồi sau mới ấn khả khiến cho hết nghi, cho nên nói ngầm truyền tâm ấn. Nói ngầm là ngầm chữ tri, chẳng phải tổng quát không nói, sáu đời truyền nhau đều như thế. Đến thời ngài Hà Trạch, các tông khác đua nhau phát triển muốn cầu mặc khế mà chẳng gặp cơ duyên. Lại suy nghĩ đến lời huyền kí của Tổ Đạt-ma. E tông chỉ dứt tuyệt bèn nói một chữ Tri là cửa của mọi điều huyền diệu.

Hỏi: Ngộ tâm này rồi làm sao tu, có phải y theo thuyết tướng giáo bảo tọa thiền chăng ?

Đáp: Nếu hôn trầm sâu không thể phấn khích, trạo cử nhiều không thể đè nén, tham sân hừng hực, chạm cảnh khó chế ngự liền dùng các phương tiện trong giáo pháp tùy bệnh điều phục. Nếu phiền não nhẹ mỏng, tuệ giải sáng suốt bén nhạy liền y theo bản tông nhất hạnh tam-muội.

*Luận Khởi Tín* nói: “Nếu tu chỉ thì trụ nơi yên tĩnh, đoạn thân chính ý, chẳng nương vào hơi thở, hình sắc, cho đến duy tâm không có cảnh giới bên ngoài”.

*Kinh Pháp Cú* có kệ:

*Nếu học các tam-muội,  
Là động chẳng phải thiền,  
Tâm theo cảnh giới chuyển,*

### *Làm sao gọi là định ?*

Tức là chẳng khởi diệt định mà hiện các oai nghi, không ở nơi ba cõi mà hiện thân ý phan duyên. Trong giáo này lấy nhất chân tâm tính đối lại các pháp nhiễm tịnh, toàn lựa bỏ, toàn thu nhiếp.

Toàn lựa bỏ, như trên đã nói, chỉ cần chỉ thẳng ngay thể, linh tri chính là tâm tính, các thứ khác đều hư vọng, cho nên gọi là phi thức, phi tâm, phi cảnh, phi trí, cho đến phi tính, phi tướng, phi Phật, phi chúng sinh, ly tứ cú, tuyệt bách phi.

Toàn thu nhiếp, các pháp nhiễm tịnh đều là tâm. Bởi tâm mê nên vọng khởi hoặc nghiệp, cho đến tứ sinh, lục đạo, cõi nước tạp uế. Bởi tâm ngộ nên từ thể khởi dụng, tứ đẳng lục độ cho đến tứ biện, lục thông, diệu thân, cõi tịnh không gì chẳng hiện. Bởi tâm này hiện ra các pháp nên pháp pháp toàn là chân tâm. Như người nằm mơ thấy hiện mọi sự, mọi sự đều là người. Như lấy vàng làm đồ trang sức, mỗi món trang sức đều là vàng. Như gương hiện bóng, mỗi bóng đều là gương. Cho nên *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Biết tất cả pháp chính là tâm tự tánh, thành tựu tuệ thân, chẳng do người khác mà tỏ ngộ”. *Luận Khởi Tín* nói: “Ba cõi hư giả chỉ do tâm tạo. Là tâm không có cảnh giới sáu trần. Cho đến tất cả phân biệt đều phân biệt tự tâm, tâm chẳng thấy tâm, không tướng để được, cho nên nói tất cả pháp như bóng trong gương. *Kinh Lăng Già* nói: “Tịch diệt gọi là nhất tâm, nhất tâm gọi là Như Lai Tạng, hay tạo ra tất cả loài, tạo thiện tạo ác, thọ khổ thọ lạc, quả cùng với nhân, cho nên biết tất cả không gì chẳng phải là tâm”.

Môn toàn lựa bao gồm phá tướng giáo thứ hai, môn toàn thu bao gồm thuyết tướng giáo thứ nhất. Dem cái trước so với cái này thì cái này khác với cái trước. Dem cái này so với cái trước thì cái trước giống với cái này. Sáu phải gồm cạn, cạn chẳng gồm sáu. Sáu là trực tiếp hiển bày thể của chân tâm, mới ở trong đó lựa tất cả, thu tất cả. Như vậy thu lựa tự lại, tính tướng vô ngại mới có thể đối với tất cả đều vô sở trụ, đây gọi là liễu nghĩa.

Ba giáo trên đây bao gồm hết kinh luận một đời. Ba nghĩa sai khác nhưng đồng một pháp.

Trong ba nghĩa ấy, thứ nhất và thứ hai là không hữu đối nhau, thứ ba và thứ nhất là tính tướng đối nhau, rõ ràng dễ thấy. Chỉ có thứ hai và thứ ba là phá tướng cùng hiển tính đối nhau, giảng giả và thiền giả cùng mê làm cho là đồng một tông một giáo, đều cho phá tướng là chân tính. Cho nên hôm nay nói rộng về mười sự khác nhau giữa không tông với tính tông. Không tông chỉ phá tướng, tính tông chỉ hiển tính, quyền thật có khác, giả biểu sai thù, không thể lấy giả thuyết để khiến trừ lời nói dẹp tình phá chấp; còn biểu thuyết chỉ thẳng giáo lý kiến lập hiển tông. Lại không thể đem tùy cơ dẫn dụ nói quyền tiệm nhất thời làm tối thẳng, sau đó toàn nêu môn thấy tính chân thật. Phán giáo phân tông như trên thì lời ước lược mà nghĩa phong phú rất đặc sắc. Ban đầu rõ ràng không quá đáng, sau cùng một vị dung thông, giải thích các điều nghi có thể quy về Tông Cảnh.

Mười điều khác nhau là:

1- Pháp nghĩa chân tục khác: Không tông chưa hiển chân tính, chỉ lấy tất cả tướng sai biệt làm pháp, pháp là tục đế. Chiều soi các pháp này vô vi vô tướng vô sinh vô diệt làm nghĩa, nghĩa là chân đế. Tính tông lấy chân tính làm pháp, các thứ sai biệt không hữu v.v... làm nghĩa.

Kinh nói: “Vô lượng nghĩa từ một pháp sinh”. *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Pháp là biết tự tính, nghĩa là biết sinh diệt”.

2- Tâm tính hai tên khác: Không tông chỉ cho cội nguồn các pháp là tính; Tính tông phần lớn xem cội nguồn các pháp là tâm. *Luận Khởi Tín* nói: “Tất cả các pháp từ xưa đến nay chỉ là nhất tâm”, do vì bản tính chẳng những không tịch mà còn tự nhiên thường biết nên gọi là tâm.

3- Tính tự hai thể khác: Không tông lấy các pháp không tính làm tính; Tính tông lấy thể hư minh thường trụ bất không làm tính. Chữ tính tuy đồng mà thể khác.

4- Chân trí chân tri khác: Không tông lấy phân biệt làm tri, vô phân biệt làm trí; trí sâu tri cạn. Tính tông lấy diệu tuệ năng chứng Thánh lý làm trí, lấy chân tính bao gồm lý trí thông cả phàm Thánh làm tri; tri bao trùm trí hạn cuộc. *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Chân như soi sáng làm tính”. *Luận Khởi Tín* nói: “Tự thể chân như chân thật thức tri”.

5- Hữu ngã vô ngã khác: Không tông cho hữu ngã là vọng, vô ngã là chân; Tính tông cho vô ngã là vọng, hữu ngã là chân. *Kinh Niết-bàn* nói: “Vô ngã gọi là sinh tử, ngã gọi là Như Lai”.

6- Già thuyên biểu thuyên khác: Già nghĩa là khiến trừ những điều sai trái, biểu nghĩa là hiển bày những điều tốt đẹp. Lại già là lựa bỏ những cái dư thừa, biểu là chỉ bày đương thể như chân như diệu tính trong các kinh thường nói. Kinh nói bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, vô nhân vô quả, vô tướng vô vi, phi phàm phi Thánh, phi tính phi tướng v.v... đều là già thuyên, khiến trừ sai trái, dứt tướng bỏ tình. Còn nói tri kiến giác chiếu, linh giám quang minh rạng rỡ sáng chói, rõ ràng lạng lẽ đều là biểu thuyên.

Nếu không có thể tri kiến thì hiển pháp gì làm tính, nói pháp gì bất sinh bất diệt v.v... cần phải nhận được cái biết hiện nay chính là tâm tính của ta, mới nói cái biết này bất sinh bất diệt v.v... Như nói muối chẳng nhạt là “già”, nói mặn là “biểu”. Như nói nước chẳng khô là “già”, nói ẩm ướt là “biểu”.

Không tông chỉ có “già”, Tính tông có “già” có “biểu”. Người thời nay đều cho già thuyên là sâu, biểu thuyên là cạn, cho nên chỉ trọng phi tâm phi Phật, vô vi vô tướng, cho đến tất cả lời nói bất khả đắc. Bởi cho già thuyên là vi diệu, chẳng muốn chính mình tự chứng pháp thể cho nên như thế.

Lại biết rõ tâm ta chẳng đồng hư không, tính tự thân giải, chẳng ngộ từ người khác, đâu nhờ duyên sinh ? Nếu chẳng đối cơ tùy theo lời nói thế gian, ở trên tự tính còn chưa biểu thị những lời chân thật, làm sao có lời nói ngăn phi phương tiện. Người thực sự chưa thân chứng kiến tính, chỉ bắt chước theo thường tình truyền

sự hiểu biết, chỉ nắm lấy sự kì diệu trong ngôn ngữ, cho già thuyền là cao tột, đó là vì chưa thấy sự thật, chưa ở nơi “thật địa”, một bề chấp không, theo lời mà chuyển, gần đây càng thanh hành không thể ngăn cản. Nếu chẳng nhờ những bậc tiên hiền đời trước học rộng nghe nhiều thâm nhập giáo hải, diệu đạt thiên tông, làm sao có thể chỉ bày rành rẽ, hòa hội trước sau, hiển bày tính linh khơi nguồn vạn pháp, cho nên sao lục yếu văn cùng rõ Tông Cảnh.

7- Nhận danh nhận thể khác: Nghĩa là Phật pháp thế pháp mỗi thứ đều có danh có thể. Như thế gian gọi là đại (lớn), chẳng qua bốn thứ vật chất. Như *Trí luận* nói: Đất nước lửa gió là tên của bốn thứ vật chất, cứng ướt nóng động là thể của bốn đại. Như nói nước, giả sử có người hỏi: Thường nghe nói lắng thì trong, quậy thì đục, đập chặn thì dừng, khơi ra thì chảy mà có thể tưới mát vạn vật, tẩy rửa ô uế, đây là vật gì ? Đáp là nước. Người ngu nhận tên cho rằng đã hiểu, còn người trí lại hỏi: Cái gì là nước ? Đáp: Ấm ướt là nước.

Phật pháp cũng thế, giả sử có người hỏi thường nghe các kinh nói rằng mê thì cấu, ngộ thì tịnh, phóng túng là phàm, tu hành là Thánh hay sinh tất cả các pháp thế xuất thế gian đây là vật gì ? Đáp là tâm. Người ngu nhận tên cho rằng đã hiểu, người trí lại hỏi: Cái gì là tâm ? Đáp rằng: Biết là tâm.

Một lời này rất gần rất đúng, những lời khác đều xa lạ. Như nói phi tính phi tướng năng ngôn năng ngữ v.v... là thể, duyên lực động dụng v.v... là tâm thì làm sao khác với câu hỏi của người. Lấy đây mà suy danh thể của nước, danh chỉ có một chữ, những cái khác đều là nghĩa dụng. Một chữ ướt đã bao gồm muôn dụng muôn nghĩa trong đục v.v... Danh thể của tâm cũng thế, một chữ tri cũng bao gồm muôn dụng muôn nghĩa tham sân tử nhân thiện ác khổ vui v.v... cần phải ngộ nước là tên gọi, chẳng phải là nước; ấm ướt là nước, chẳng phải là tên gọi, thì trong đục dừng trôi, không nghĩa nào chẳng thông. Để dụ cho tâm là danh, chẳng phải là tâm, biết là tâm, chẳng phải là danh thì chân vọng thiện ác không nghĩa nào chẳng thông.

Không tông, Tướng tông là dành cho người mới học và căn cơ cạn cợt, sợ họ theo lời sinh chấp nên chỉ nêu danh để ngăn điều sai quấy, chỉ dùng nhiều nghĩa dụng để dẫn ý nghĩa.

Tính tông vì đối với hạng người học lâu và thượng căn khiến quên lời nhận thể nên chỉ thẳng một lời (đó là chữ tri).

Nếu lãnh hội đúng đắn, đích thân chiếu soi tính linh tri, mới ở trên thể xét soi nghĩa dụng cho nên không gì chẳng thông.

8- Hai đế ba đế khác: Không tông chỉ có hai đế, Tính tông bao gồm tất cả tính tướng và tự thể, tổng cộng là ba đế. Bởi các pháp duyên khởi như sắc v.v... là tục đế, duyên các pháp không tự tính tức không là chân đế, một thể chân tâm phi không phi sắc năng không năng sắc là trung đạo đệ nhất nghĩa đế.

9- Ba tính không hữu khác: Không tông nói hữu tức là biến kế và y tha, nói không tức là viên thành. Tính tông nói ba pháp đầy đủ nghĩa không hữu. Biến kế thì tình có lý không, y tha thì tướng có tính không, viên thành thì tình không lý có.

10- Phật đức không hữu khác: Không tông nói Phật lấy không làm đức, không có một chút pháp gọi là bờ-đề. Tính tông nói tất cả Phật tự thể đều có thường lạc ngã tịnh, mười thân, mười trí, tướng hảo vô tận, tính tự sẵn có, không chờ cơ duyên.

Mười điểm khác nhau rõ ràng hai môn hoán đổi cho nên trước cần phải căn cứ ba thứ Phật giáo, chúng ba tông thiên tâm, sau đó thiên giáo cùng mất, Phật tâm cùng lặng. Cùng lặng thì niệm niệm đều là Phật, không một niệm nào chẳng phải Phật tâm; cùng mất thì câu câu đều là thiên, không một câu nào chẳng phải thiên giáo. Như vậy thì tự nhiên nghe nói dứt sạch không nương gá là biết phá tình chấp của ngã; nghe nói dứt vọng tu tâm là biết đoạn tập khí của ngã. Tình chấp hết chân tính hiển là dứt sạch tức là tông hiển tính; tập khí hết Phật đạo thành là tu tâm tức là hạnh thành Phật, đốn tiệm hiển bày lẫn nhau, không hữu làm thành nhau. Nếu có thể viên thông như thế thì vì người khác nói không gì chẳng phải diệu phương, nghe người khác nói không gì chẳng phải diệu dược. Thuốc

hay bệnh chỉ do chấp trước hay thông suốt. Cho nên tiên đức nói: “Chấp thì mỗi chữ thành bệnh nặng, thông thì mỗi lời thành thuốc hay”.

Như trên y giáo y tông tóm tắt hòa hội, chọn lựa gốc ngọn tông chỉ, phân tách pháp nghĩa sai biệt, so sánh điểm đồng dị của đốn tiệm, dung hợp chân vọng, đối chiếu tổng hợp sự bổ sung của già biểu, khen chê sự cạn sâu của quyền thật. Có thể gọi là cuộn làn sóng lặng lẽ của biển giáo lý vào trong bàn tay, góp tất cả ý nghĩa như tinh tú trên trời đặt ở trước mắt thì liền giải những điều nghi, thông đạt diệu chỉ. Nếu ngoài tâm lập pháp lập cảnh khởi lên nhiều mối tranh cãi, trên thức biến thành ngã nhân, là nguyên do của hơn thua thắng bại liên lập không phá hữu, theo hữu bỏ không, sùng giáo hủy thiên, tôn thiên chê giáo. Hai đạo quyền thật thường là nhân của sự chướng ngại; hai tông tính tướng mãi xem nhau như oán thù, đều làm cho đèn trí leo lét, gương tâm lu mờ, hoàn toàn không thể vào cửa vô tranh và giẫm lên con đường nhất thật.

-----